

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Anh Đào.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Trong các ngày 03-9-2025 và ngày 22-9-2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp (Trụ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Tuyết C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H vắng mặt có đơn, anh C vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2018, chị H và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04-01-2019. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, đến năm 2024 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, cho nên tình cảm vợ chồng không còn như trước, mặc dù vợ chồng cũng có hàn gắn lại nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cũng đã

ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nên có sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuyết C; Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04-01-2019 (Hiện cháu Trọng N đang sống chung với chị H), chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trọng N, chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng cấp nuôi con; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Tuyết C: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh C vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do. Đồng thời, anh C cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “Về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Tuyết C có nơi đăng ký hộ khẩu tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Tuyết C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tuyết C là phù hợp theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh C sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận kết hôn số 67, ngày 29-6-2018 nên hôn nhân của chị H và anh C là sự tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa chị H và anh C có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, cho nên tình cảm vợ chồng không còn như trước, mặc dù vợ chồng cũng có

hàn gắn lại nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nên có sống chung cũng không hạnh phúc. Nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C.

Trong quá trình tố tụng, anh C đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Tuyết C, ngoài ra anh C cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp công kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Nguyễn Tuyết C không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, do đó căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc chị H trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng, kéo dài, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04-01-2019, hiện cháu Trọng N đang sống chung với chị H. Nay ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chị H đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống cũng như nhằm đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện về mọi mặt cả về vật chất lẫn tinh thần nên giao cháu Trọng N cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng, do anh C không ý kiến phản đối gì đối với ý kiến của chị H và anh C không có mặt tại phiên tòa, nên xét thấy ý kiến của chị H phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04-01-2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tuyết C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuyết C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Nguyễn Tuyết C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Tuyết C theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000472 ngày 22-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Tuyết C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuyết C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04-01-2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tuyết C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuyết C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Nguyễn Tuyết C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Tuyết C.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Tuyết C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000472 ngày 22-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Tuyết C không phải chịu án phí.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 12-Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương